

KẾT QUẢ BAN ĐẦU VỀ THÀNH PHẦN LOÀI BÒ SÁT Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ LUÔNG, TỈNH THANH HÓA

NGUYỄN TÀI THẮNG, NGUYỄN THÀNH LUÂN, PHẠM VĂN THÔNG

Chương trình bảo tồn rùa Châu Á

NGUYỄN ĐẮC MẠNH

Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

TRƯƠNG VĂN VINH

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông

NGUYỄN NGỌC SANG

Viện Sinh học Nhiệt đới,

Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam,

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Pù Luông nằm trên địa phận của hai huyện Quan Hóa và Bá Thước, phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa, diện tích 17.662 ha. Phía Đông và Bắc Pù Luông giáp với tỉnh Hoà Bình, phía Tây và Nam chủ yếu là giáp với phần đất còn lại của các xã thuộc Khu bảo tồn. Địa hình Pù Luông gồm hai dãy núi chạy song song theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, trong đó dãy núi lớn hơn nằm phía Đông Bắc hình thành bởi những vùng núi đá vôi bị chia cắt mạnh và là một phần của vùng núi đá vôi liên tục chạy từ Vườn Quốc gia Cúc Phương đến tỉnh Sơn La (Birdlife International, 2004).

Bò sát ở Pù Luông chưa được nghiên cứu và công bố chính thức. Nghiên cứu này cung cấp những dữ liệu ban đầu về thành phần loài Bò sát ở Pù Luông dựa trên kết quả từ các đợt điều tra thực địa trong năm 2014 và 2015 và những mẫu vật được lưu trữ trước đó tại Khu bảo tồn.

I. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đã tiến hành 6 đợt khảo sát thực địa tại các địa điểm: Bản Eo Điều, xã Cổ Lũng từ 18–25/2/2014; Bản Hang xã Phú Lệ từ 20–24/5/2014; Bản Sơn, xã Lũng Cao từ 25–30/5/2014; Bản Kịt, xã Lũng Cao từ 3–7/8/2014; Bản Ngèo, xã Hồi Xuân từ 15–18/12/2014; Bản Eo Kén, xã Thành Sơn từ 4–9/5/2015. Mỗi đợt có từ 3–6 người tham gia gồm cả cán bộ kiểm lâm của Khu bảo tồn.

Mẫu vật được thu thập bằng tay và gậy chuyên dụng. Chụp hình mẫu sống, sau đó định hình mẫu trong formol 4% trong 24 giờ và lưu giữ trong cồn 70% và bảo quản tại phòng động vật KBTTN Pù Luông.

Định danh các loài dựa trên tài liệu Smith (1935, 1943) [7, 8], Ziegler & Bischoff (1999) [10], Vogel et al. (2009) [9], Nguyen et al. (2010) [4], Nguyen et al. (2010) [5]. Tên khoa học, tên tiếng Việt và hệ thống phân loại theo Nguyen et al. (2009) [3].

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Từ kết quả phân tích mẫu vật và hình ảnh thu được, chúng tôi ghi nhận 38 loài bò sát tại KBTTN Pù Luông thuộc 2 bộ và 9 họ (bảng 1).

Trong số 38 loài bò sát thuộc 9 họ ghi nhận ở KBTTN Pù Luông, họ Rắn nước Colubridae có số loài nhiều nhất với 14 loài (chiếm 36,8% số loài trong khu vực); họ Nhông Agamidae, họ Tắc kè Gekkonidae và họ Thằn lằn bóng Scincidae cùng có 5 loài (chiếm 13,1% số loài trong khu vực). Có 4 taxon chưa được định danh tới loài do còn thiếu dữ liệu.

Bảng 1

Danh sách các loài bò sát ở KBTTN Pù Luông (M: mẫu vật; A: ảnh)

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Tư liệu
	REPTILIA	Lớp BÒ SÁT	
	SQUAMATA	Bộ CÓ VÁY	
	1. Agamidae	Họ Nhông	
1	<i>Physignathus cocincinus</i> (Cuvier)	Rông đất	M
2	<i>Acanthosaura lepidogaster</i> (Cuvier)	Ô rô vảy	M
3	<i>Calotes emma</i> Gray	Nhông em-ma	M
4	<i>Calotes mystaceus</i> Duméril & Bibron	Nhông xám	M
5	<i>Calotes versicolor</i> (Daudin)	Nhông xanh	M
	2. Gekkonidae	Họ Tắc kè	
6	<i>Gekko reevesii</i> (Gray)	Tắc kè ri vờ	M
7	<i>Gekko chinensis</i> (Gray)	Tắc kè trung quốc	M
8	<i>Cyrtodactylus</i> sp.	Thạch sùng ngón	A
9	<i>Hemidactylus vietnamensis</i> Daversky & Kupriyanova	Thạch sùng việt nam	M
10	<i>Hemidactylus frenatus</i> (Schlegel)	Thạch sùng đuôi sần	M
	3. Lacertidae	Họ Thằn lằn thực	
11	<i>Takydromus kuehnei vietnamensis</i> Ziegler & Bischoff	Liu điu kuc ni việt nam	M
12	<i>Takydromus sexlineatus</i> Daudin	Liu điu chỉ	A
	4. Scincidae	Họ Thằn lằn bóng	
13	<i>Eutropis longicaudata</i> (Hallowell)	Thằn lằn bóng đuôi dài	M
14	<i>Eutropis macularia</i> (Blyth)	Thằn lằn bóng đốm	M
15	<i>Eutropis multifasciata</i> (Kuhl)	Thằn lằn bóng hoa	M
16	<i>Plestiodon quadrilineatus</i> (Blyth)	Thằn lằn tốt mã bốn vạch	M
17	<i>Tropidophorus</i> sp.	Thằn lằn tai	M
	5. Colubridae	Họ Rắn nước	
18	<i>Calamaria pavementata</i> Dumeril, Bibron & Dumerin	Rắn mai gấm lát	M
19	<i>Ahaetulla prasina</i> (Boie)	Rắn roi thường	M
20	<i>Boiga multomaculata</i> (Boie)	Rắn rào đốm	M
21	<i>Cyclophiops multicinctus</i> (Roux)	Rắn nhiều đai	M
22	<i>Lycodon subcinctus</i> (Boie)	Rắn khuyết khoanh	M
23	<i>Lycodon ruhstrati abditus</i> Vogel, David, Pauwels, Sumontha, Norval, Hendrix, Vu & Ziegler	Rắn khuyết ẩn	M
24	<i>Oligodon catenatus</i> (Blyth)	Rắn khiếm a sam	M
25	<i>Orthriophis moellendorffii</i> (Boettger).	Rắn sọc đuôi khoanh	A
26	<i>Enhydris plumbea</i> (Boie)	Rắn bông chì	M
27	<i>Rhabdophis subminiatus</i> (Schlegel)	Rắn hoa cỏ nhỏ	M
28	<i>Rhabdophis</i> sp.	Rắn hoa cỏ	M
29	<i>Sinonatrix percarinata</i> Boulenger	Rắn hoa cân vân đen	M
30	<i>Xenochrophis flavipunctatus</i> (Hallowell)	Rắn nước	M
31	<i>Pseudoxendon bambusicola</i> (Vogt)	Rắn hổ xiên tre	M
	6. Elapidae	Họ Rắn hổ	
32	<i>Naja atra</i> Cantor	Rắn hổ mang trung quốc	A
33	<i>Calliophis macclellandi</i> (Reinhardt)	Rắn lá khô thường	M

TT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Tư liệu
	7. Viperidae	Họ Rắn lục	
34	<i>Cryptelytrops</i> sp.	Rắn lục đuôi đỏ	A
35	<i>Protobothrops mucrosquamatus</i> (Cantor)	Rắn lục cườm	M
	TESTUDINES	Bộ RÙA	
	8. Geoemydidae	Họ Rùa đầm	
36	<i>Cuora galbinifrons</i> (Bourret)	Rùa hộp trán vàng miền bắc	A
37	<i>Cuora mouhotii mouhotii</i> (Gray)	Rùa sa nhân miền trung	A
	9. Trionychidae	Họ Ba ba	
38	<i>Pelodiscus sinensis</i> (Wiegmann)	Ba ba trơn	A

Thạch sùng ngón *Cytrodactylus* sp. được định danh từ hình ảnh chụp tại khu vực nghiên cứu và có các đặc điểm sau: Con người dọc, chân 5 ngón, gãy khúc ở giữa ngón; lưng màu nâu có các vệt đen vắt ngang; đuôi có những khoanh trắng và đen xen kẽ; vảy dưới đuôi dạng hạt.

Cho đến nay có 9 loài thuộc giống *Tropidophorus* được ghi nhận ở Việt Nam [5]. Tuy nhiên mẫu vật thuộc giống này chúng tôi thu được tại Pù Luông có số hàng vảy quanh thân là 26 khác với 9 loài đã được ghi nhận trước đó: Loài *Tropidophorus* sp. có số hàng vảy quanh thân nhiều hơn loài *T. noggei* (22–24 hàng) và ít hơn 8 loài còn lại là *T. baviensis* (28–30 hàng), *T. berdmorei* (32–40 hàng), *T. boehmei* (30–32 hàng), *T. cocincinensis* (30–33 hàng), *T. hainanus* (29–34 hàng), *T. microlepis* (28–32 hàng), *T. murphyi* (30–32 hàng) và *T. sinicus* (28–30 hàng) [4, 5]. Mẫu vật thu được là 1 con cái chưa trưởng thành. Do đó cần thêm mẫu vật để so sánh lại với các loài trên và các loài khác trong giống này để định danh loài.

Một mẫu vật cái của loài rắn hoa cỏ *Rhabdophis* sp. chúng tôi thu thập được có đặc điểm khác với 7 loài trong giống *Rhabdophis* được ghi nhận ở nước ta hiện nay như sau: *Rhabdophis* sp. có số hàng vảy quanh thân 19 hàng lớn hơn *R. angeli* (15 hàng) và *R. nuchalis* (17 hàng). So với 5 loài có cùng 19 hàng vảy còn lại thì loài *Rhabdophis* sp. có số vảy môi trên 8 vảy nhiều hơn loài *R. tigrinus* (7 vảy môi trên) và ít hơn loài *R. chryzagros* (9 vảy môi trên). *Rhabdophis* sp. có số vảy môi trên thứ 4 và 5 chạm mắt khác biệt so với *R. callichroma* (vảy số 3–5 chạm mắt), *R. nigrocinctus* (vảy số 4–6 chạm mắt). Loài *Rhabdophis* sp. có 2 vảy môi trên chạm mắt và có 3 hàng vảy hẹp sau gáy khác với loài *R. subminiatus* có 3 vảy môi trên chạm mắt (hiếm khi 2) và các hàng vảy sau gáy đều mở rộng [8]. Cần thu thêm mẫu vật và so sánh với các loài khác trong giống *Rhabdophis* chưa được ghi nhận ở Việt Nam để xác định liệu mẫu vật này là một dạng dao động về hình thái hay là một loài độc lập. Tuy nhiên, *Rhabdophis* sp. khác biệt với loài còn lại ở Pù Luông là *R. subminiatus* nên khu vực nghiên cứu có hai loài thuộc giống *Rhabdophis*.

Rắn lục đuôi đỏ *Cryptelytrops* sp. được ghi nhận qua hình ảnh chụp tại khu vực nghiên cứu. Tuy vậy, các hình ảnh chụp được không đủ thông tin để xác định đến loài. Cần thu mẫu hoặc hình ảnh chi tiết hơn để định danh loài này.

Theo Nguyen et al. (2009) [3], *Lycodon ruhstrati* có hai phân loài là *L. r. ruhstrati* và *L. r. multifasciatus*. Tuy nhiên, Vogel et al. (2009) [9] mô tả một phân loài mới *L. r. abditus* phân bố ở lục địa Trung Quốc và Việt Nam. Còn phân loài *L. r. ruhstrati* là loài đặc hữu ở Đài Loan và *L. r. multifasciatus* đã được mô tả như một loài riêng biệt. Mẫu vật chúng tôi thu được trùng với mô tả của loài *L. r. abditus*.

Cả 3 loài rùa ghi nhận trong Khu Bảo tồn là *Cuora mouhotii mouhotii*, *Cuora galbinifrons* và *Pelodiscus sinensis* đều được quan sát từ nhà người dân địa phương. Theo thông tin phỏng vấn cũng như kết quả khảo sát thực địa không ghi nhận cá thể nào ngoài thiên nhiên cho thấy những loài này đang rất hiếm và đang bị săn bắt ở KBTTN Pù Luông.

So với các khu vực lân cận ở Bắc Trung Bộ như Vườn Quốc gia Cúc Phương [6], Vườn Quốc gia Pù Mát [2], KBTTN Xuân Liên [1] thì KBTTN Pù Luông có 3 loài rắn là *Orthriophis moellendorffii*, *Oligodon catenatus* và *Rhabdophis* sp. chưa được ghi nhận ở các khu vực trên. Điều này cho thấy khu hệ bò sát ở Pù Luông khá đa dạng và có sự khác biệt với các khu hệ lân cận.

Trong số 38 loài được ghi nhận ở KBTTN Pù Luông, có 6 loài nguy cấp, quý hiếm (chiếm 15,7% số loài trong khu vực). Trong đó có 3 loài nằm trong Danh lục Đỏ thế giới IUCN năm 2014, gồm 1 loài ở mức rất nguy cấp (CR) (*Cuora galbinifrons*), 1 loài ở mức Nguy cấp (EN) (*Cuora mouhotii mouhotii*) và 1 loài ở mức Sẽ nguy cấp (VU) (*Pelodiscus sinensis*); có 4 loài được liệt kê trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 gồm 1 loài ở mức EN (*Cuora galbinifrons*) và 3 loài ở mức VU (*Physignathus cocincinus*, *Gekko reevesii* *Orthriophis moellendorffii*). Trong đó loài *Cuora galbinifrons* được liệt kê trong cả Sách Đỏ thế giới IUCN (CR) và Sách Đỏ Việt Nam (EN).

Trong quá trình khảo sát thực địa, chúng tôi có ghi nhận thông tin một số loài có ở KBTTN Pù Luông từ người dẫn đường và cán bộ kiểm lâm như kỳ đà hoa *Varanus salvator*, trăn đất *Python molurus*, rắn cạp nia miền Bắc *Bungarus multicinctus* và rắn hổ chúa *Ophiophagus hannah*. Do đó cần tiếp tục khảo sát kỹ hơn để xác minh sự hiện diện của những loài này ở khu vực nghiên cứu. Hơn nữa, danh sách 38 loài bò sát ghi nhận được ở KBTTN Pù Luông chắc chắn còn thiếu và cần được nghiên cứu thêm để hoàn thiện danh sách các loài và các đặc điểm phân bố về độ cao và sinh cảnh nơi đây.

III. KẾT LUẬN

Đã thống kê được 38 loài bò sát thuộc 2 bộ, 9 họ ở KBTTN Pù Luông. Trong đó, họ rắn nước Colubridae có số loài nhiều nhất với 14 loài, kế đến là các họ Nhông Agamidae, họ Tắc kè Gekkonidae và họ Thằn lằn bóng Scincidae mỗi họ có 5 loài. Các họ khác có số loài ít hơn.

Có 6 loài bò sát quý hiếm ở KBTTN Pù Luông (chiếm 15,7% tổng số loài). Trong đó có 3 loài trong Sách Đỏ thế giới (IUCN 2014), 4 loài trong Sách Đỏ Việt Nam 2007.

Bốn loài cần được khảo sát thêm về mẫu vật và xác định tên loài là *Cyrtodactylus* sp., *Tropidophorus* sp., *Rhabdophis* sp. và *Cryptelytrops* sp.. Đồng thời các loài khác có thông tin trong quá trình phỏng vấn cũng cần được xác minh trong những lần khảo sát tiếp theo.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn ông Lê Thế Sự, Nguyễn Bá Tâm–Ban giám đốc KBTTN Pù Luông và các cán bộ kiểm lâm trong khu bảo tồn đã chấp thuận và hỗ trợ cho các lần khảo sát thực địa. Cá nhân Nguyễn Tài Thắng gửi lời cảm ơn tới ThS. Bùi Văn Bắc–Bộ môn Côn trùng học, Đại học Lâm Nghiệp đã hỗ trợ thu thập mẫu vật trong quá trình khảo sát. Khảo sát thực địa được tài trợ bởi quỹ sự nghiệp phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phạm Thế Cường, Hoàng Văn Chung, Nguyễn Quảng Trường, Chu Thị Thảo, Nguyễn Thiên Tạo**, 2012. Thành phần loài bò sát và ếch nhái ở KBTTN Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa. Hội thảo quốc gia về Lưỡng cư và Bò sát Việt Nam lần thứ 2. Nxb. Đại học Vinh, Nghệ An: 112–119.
2. **Lê Nguyên Ngật, Hoàng Xuân Quang**, 2001. Tạp chí Sinh học, 23(3B): 59–65.

3. **Nguyen, S. V., C. T. Ho, T. Q. Nguyen**, 2009. Herpetofauna of Vietnam. Edition Chimara Frankfurt am Main, 768pp.
4. **Nguyen, T. Q., S. V. Nguyen, N. Orlov, T. N. Hoang, W. Böhme, T. Ziegler**, 2010. Zoosystematics and Evolution, 86(1): 5–19.
5. **Nguyen, T. Q., T. T. Nguyen, A. Schmitz, N. L. Orlov, T. Ziegler**, 2010. Zootaxa, 2439: 53–68.
6. **Nguyễn Văn Sáng, Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường, Lê Trọng Đạt**, 2003. Bò sát và Lưỡng cư Vườn Quốc gia Cúc Phương. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 122 trang.
7. **Smith M. A.**, 1935. The Fauna of British India including Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia. Vol. II. Sauria, Taylor and Francis, London, 440 pp.
8. **Smith M. A.**, 1943. The Fauna of British India, Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia. Vol. III. Serpentes, Taylor and Francis, London, 583 pp.
9. **Vogel, G., P. David, O. S. G. Pauwels, M. Sumontha, G. Norval, R. Hendrix, T. N. Vu, T. Ziegler**, 2009. Tropical Zoology, 22(2): 131–182.
10. **Ziegler, T., W. Bischoff**, 1999. Salamandra, 35(4): 209–226.

PRELIMINARY RESULTS ON SPECIES COMPOSITION OF THE REPTILES IN PU LUONG NATURE RESERVE, THANH HOA PROVINCE

**NGUYEN TAI THANG, NGUYEN THANH LUAN, PHAM VAN THONG,
NGUYEN DAC MANH, TRUONG VAN VINH, NGUYEN NGOC SANG**

SUMMARY

Based on results of field surveys in 2014 and 2015 carried out in six localities in Pu Luong Nature Reserve (NR), Thanh Hoa Province and the available reptile collection preserved in Pu Luong NR, the list of reptile species has been compiled. It includes 38 species belonging to 9 families and 2 orders. Of those, 4 species are listed in Vietnam Red Book (2007) and 3 species are listed in IUCN Red List (2014). The authors recommend 4 species as high priority species for conservation, including *Gekko reevesii*, *Orthriophis moellendorffii*, *Cuora galbinifrons*, and *Cuora mouhotii mouhotii*.